

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-ST

Ngày: 28-4-2020

V/v Tranh chấp Hợp đồng mua bán  
tài sản và Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Thái Ngọc**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trần Hoàng Việt**.

2. Ông **Lê Văn Quân**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Chí Hường** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông **Trần Văn Hường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Trần Trung N**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số E, ấp Châu T, thị trấn L, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

**- Bị đơn:** + Ông **Trần T**; Địa chỉ: Số A, ấp S, xã Lịch Hội T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

+ Bà **Lâm Thị S**; Địa chỉ: Số A, ấp S, xã Lịch Hội T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Trung N trình bày:

Từ ngày 11/01/2013 đến ngày 13/01/2015 vợ chồng ông Trần T bà Lâm Thị S mua phân bón, thuốc trừ sâu của ông Trần Trung N để làm ruộng. Tổng số tiền nợ do mua phân bón, thuốc trừ sâu là 31.720.000 đồng. Ngoài ra vào ngày 11/01/2015 vợ chồng ông T bà S vay của ông N số tiền 23.000.000 đồng với thỏa thuận lãi suất 2%/ tháng thời hạn vay 02 năm sẽ trả lãi và vốn. Tuy nhiên đến 30/9/2015 vợ chồng ông T bà S chỉ trả lãi 21 tháng với số tiền là 9.660.000 đồng và trả tiền gốc được

3.000.000 đồng. Do đó từ ngày 30/9/2015 ông T bà S còn nợ số tiền 20.000.000 đồng. Từ ngày 15/10/2017 ông N có đến yêu cầu ông T bà S trả mỗi năm 10.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông T bà S xin trả mỗi năm 5.000.000 đồng và ông N đã đồng ý mức trả mỗi năm 5.000.000 đồng, thời gian trả hết số tiền nợ khoảng trên 10 năm. Tuy nhiên đến năm 2018, vợ chồng ông T bà S không thực hiện lời hứa trả số tiền 5.000.000 đồng/ năm cho ông N nữa. Do đó hiện nay vợ chồng ông T bà S còn nợ ông N số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 31.720.000 đồng và nợ số tiền vay là 20.000.000 đồng.

Nay ông Trần Trung N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Trần T bà Lâm Thị S phải trả số tiền nợ do mua phân bón, thuốc trừ sâu 31.720.000 đồng;

- Buộc ông Trần T bà Lâm Thị S trả số tiền vay là 20.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/9/2015 đến khi ông T bà S trả dứt nợ với lãi suất 1,666%/ tháng. Tiền lãi tạm tính từ ngày 30/9/2015 đến ngày 26/8/2019 là 46 tháng 26 ngày với số tiền là: 15.615.000 đồng.

Tổng số tiền ông T bà S phải trả là 67.335.000 đồng.

Các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

1. Giấy tập học sinh có chữ viết tay lập ngày 15/10/2017;

2. Hai tấm ảnh có hình ảnh;

\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa. Tuy nhiên ông Trần T bà Lâm Thị S đã từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, do đó, việc cấp tổng đạt được thực hiện theo qui định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn ông Trần Trung N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Trần T bà Lâm Thị S **trả số tiền** mua phân bón, thuốc trừ sâu 31.720.000 đồng và trả số tiền vay là 20.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu tính lãi đối với hai khoản tiền trên. Ông N nộp thêm chứng cứ là Một thẻ nhớ (không rõ nhãn hiệu) ghi lại hình ảnh âm thanh đã được sao chép ra từ thiết bị ghi âm, ghi hình khác. Bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xét xử vắng mặt: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Trung N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần T bà Lâm Thị S trả cho ông Trần Trung N số tiền còn nợ do mua phân bón, thuốc trừ sâu quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự và yêu cầu trả số tiền vay còn nợ được xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S có địa chỉ số A, ấp S, xã Lịch Hội T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và tài liệu do nguyên đơn ông Trần Trung N cung cấp: Giấy tập học sinh có chữ viết tay lập ngày 15/10/2017 có nội dung:

*“Họ tên: Trần T*

*Họ tên: Lâm Thị S*

*Chịu trả 1 mùa 5.000.000 nếu bản đất đc thì trả đủ*

*thiếu hia phì 51720000*

*hứa trả cho hia phì*

*Lâm Thị S*

*Sát*

*Ngày làm đơn 15/10/2017”*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ nguyên đơn gửi bản sao tài liệu chứng cứ cho bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S theo quy định tại khoản 5 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông Trần T bà Lâm Thị S đã từ chối nhận các văn bản tố tụng khi Tòa án thực hiện cấp tổng đạt. Ông Trần T bà Lâm Thị S không có ý kiến cũng như không đến Tòa án là đã từ bỏ đi quyền lợi của mình. Do đó căn cứ khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định: Ông Trần T bà Lâm Thị S có mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ và nợ tiền vay ông Trần Trung N với tổng số tiền 51.720.000 đồng.

[2.2] Theo trình bày của nguyên đơn ông Trần Trung N xác định trong tổng số tiền được ghi trong biên nhận 51.720.000 đồng thì nợ tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 31.720.000 đồng. Xét hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu giữa

Nguyên đơn với Bị đơn: Khi hai bên tiến hành mua, bán phân bón, thuốc trừ sâu thì không có thỏa thuận về thời gian cụ thể trả số tiền khi mua tài sản. Khi mua bán Nguyên đơn đã giao tài sản cho Bị đơn và Bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S đã nhận tài sản xong nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định “Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản”.

[2.3] Về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự 2015: “1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Do Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó ông Trần T bà Lâm Thị S chỉ phải trả lại tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu cho ông Trần Trung N là 31.720.000 đồng.

[2.4] Về thỏa thuận lãi suất đối với hợp đồng vay tài sản: Đối với hợp đồng vay tài sản nguyên đơn xác định trong đơn khởi kiện là 2%/ tháng. Vợ chồng ông T bà S chỉ trả lãi 21 tháng với số tiền là 9.660.000 đồng và trả tiền gốc được 3.000.000 đồng.

[2.4.1] Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về lãi suất cho vay:

“1. Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng.”

[2.4.2] Về lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước, tại Điều 1 Quyết định 2868/QĐ-NHNN quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm . Như vậy, lãi suất do các bên thỏa thuận sẽ không được vượt quá:  $9\% \times 150\% = 13,5\%/năm$  và lãi suất cho vay tối đa trung bình một tháng sẽ là:  $13,5 : 12 = 1,125\%/tháng$ .

[2.4.3] Do đó, đối với số tiền 23.000.000 đồng được tính đến ngày 30/6/2017 (21 tháng) là thời điểm chưa trả gốc 3.000.000 đồng cụ thể như sau: 23.000.000 đồng  $\times 1,125\%/tháng \times 21 tháng = 5.433.750$  đồng.

[2.4.4] Thời gian sau ngày trả vốn gốc 3.000.000 đồng tính đến ngày xét xử là 28/4/2020 là: 02 năm, 09 tháng, 27 ngày (33 tháng, 27 ngày) với số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng, cụ thể như sau: 20.000.000 đồng  $\times 33 tháng 27 ngày \times 1,125\%/tháng = 8.771.625$  đồng.

[2.4.5] Như vậy tổng của hai khoản tiền lãi được chia hai mốc thời gian của số tiền gốc khác nhau là: 14.205.375 đồng. Trừ với số tiền lãi mà vợ chồng ông T bà S đã trả cho nguyên đơn là 9.660.000 đồng, thì vợ chồng bị đơn còn phải trả thêm cho nguyên đơn số tiền lãi được tính theo quy định của pháp luật là 4.545.375 đồng. Tại phiên tòa, ông Trần Trung N không yêu cầu tính lãi đối với số tiền vay 20.000.000 đồng là có lợi cho phía bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung N.

[2.6] Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Đối với hợp đồng mua bán phân bón, thuộc trừ sâu mà ông Trần T bà Lâm Thị S còn nợ 31.720.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn ông Trần Trung N và bị đơn ông Trần T bà Lâm Thị S không có thỏa thuận về việc trả lãi trong hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 31.720.000 đồng.

[2.7] Đối với khoản tiền vay 20.000.000 đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền vay 20.000.000 đồng, bên phải thi hành án là ông Trần T bà Lâm Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Trần Trung N được chấp nhận nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Trần T bà Lâm Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Trần Trung N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trần T bà Lâm Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 289, Điều 357, khoản 3 Điều 434, Các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Trung N:

1/ Buộc ông Trần T bà Lâm Thị S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Trung N số tiền nợ do mua phân bón, thuộc trừ sâu là 31.720.000 đồng (Ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và vốn vay là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Tổng cộng là 51.720.000 đồng (Năm mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

2/ Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Đối với hợp đồng mua bán phân bón, thuộc trừ sâu mà ông Trần T bà Lâm Thị S còn nợ 31.720.000 đồng. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành

khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền 31.720.000 đồng (Ba mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 29/4/2020 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền vay 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), bên phải thi hành án là ông Trần T bà Lâm Thị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

### 3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần T bà Lâm Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.586.000 đồng (Hai triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Ông Trần Trung N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.683.375 đồng theo biên lai thu số 0005915 ngày 28-8-2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Trần Trung N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Trần T bà Lâm Thị S có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thái Ngọc**